**TUẦN 3**

---\*\*\*---

***Thứ năm ngày 21 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 32+33: BÀI 13: i, ia**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết các âm và chữ **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **i, ia** với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: **bi, bia.**

- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **i,** âm **ia.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé Bi, bé Li.*

- Biết viết các chữ **i, ia;** các tiếng **bi, bia,** các chữ số **4, 5** (trên bảng con).

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, tivi

- Viên bi

- Vở bài tập tiếng việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 32**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu:** (4’)  - GV gọi HS đọc lại bài Tập đọc *Bé Hà, bé Lê* (bài 12). (Hoặc cả lớp viết bảng con: *ga, hồ).*  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài:** (5’)  - GV giới thiệu bài học về âm và chữ **i, ia.**  - GV chỉ chữ **i,** nói: **i**  - GV chỉ chữ **ia,** nói: **ia.**  - GV giới thiệu chữ **I** in hoa.  **2. Chia sẻ và khám phá:** (10’)(BT1: Làm quen)  **2.1.** Âm **i** và chữ **i**  - GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì?  - GV viết **b,** viết **i.**  - Phân tích tiếng **bi.**  **2.2.** Âm **ia** và chữ **ia**  - GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa.  - GV viết **b,** viết **ia.**  - GV đọc: **bia**  - Phân tích tiếng **bia** gồm có âm **b** đứng trước, âm **ia** đứng sau.  - GV yêu cầu HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: **bờ - ia - bia / bia.**  ? Các em vừa được học chữ, tiếng nào?  ? Hãy ghép trên bảng cài chữ **i,** chữ **ia.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm **ia?)**  - GV chỉ hình và gọi HS nêu tên sự vật  - GV yêu cầu HS làm bài trong VBT  - GV gọi HS báo cáo  - GV chỉ hình, cả lớp nói kết quả  - GV yêu cầu HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **i** (chị, phi, thi, nghỉ,...); có âm **ia** (chia, kia, phía, tỉa,...).  **3.2. Tập đọc** (9’) **(BT3)**  a. Giới thiệu bài  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).  b. GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống  - Tranh 1: *Bé Li bi bô: - Bi, Bi.* (Li đang đi chập chững, giơ hai tay gọi anh. Giải nghĩa từ *bi bô:* nói chưa sõi, lặp đi lặp lại một số âm).  - Tranh 2: *Bé ạ đi.* (Bi nói bé hãy “ạ” anh đi).  - Tranh 3: Nghe anh nói vậy, bé Li ngoan ngoãn “ạ” lia lịa nên bị ho. (Thấy bé ho, vẻ mặt Bi lo lắng. Giải nghĩa từ *lia lịa:* liên tục, liên tiếp, rất nhanh).  - Tranh 4: *Bi dỗ bé.* (Bi thương em, ôm em vào lòng, dỗ em).  c. Luyện đọc từ ngữ  - GV yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân).  **3. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **i, ia**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có âm **i, ia** | - 2HS đọc  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, cả lớp): **i.**  -HS đọc (cá nhân, cả lớp): **ia**  -HS quan sát và lắng nghe  - HS trả lời (Các viên bi).  - HS: **b, i;** đọc: **bi.** HS (cá nhân, cả lớp): **bi.**  - HS(cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình: **bờ - i - bi / bi.**  - HS quan sát, lắng nghe  - HS đọc: **b, ia.**  - HS (cá nhân, cả lớp): **bia.**  - HS quan sát, lắng nghe  -HS quan sát, đánh vần, đọc trơn.  - HS nói lại chữ, tiếng vừa học: **i, ia; bi, bia;**  - HSghép trên bảng cài.  - 1 HS nói tên sự vật *bí, ví, chỉ, mía, đĩa, khỉ.*  - HS làm VBT  - HS báo cáo: Tiếng có âm **i:** *bí, ví, chỉ, khỉ.* Tiếng có âm **ia:** *mía, đĩa.*  - Cả lớp nói kết quả: Tiếng **bí** có âm **i...** Tiếng **mía** có âm **ia...**  -HS tìm và nói  - HS quan sát và nghe  - HS nghe  - HS (cá nhân, cả lớp) : **bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé.** |

**Tiết 33**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.2. Tập đọc** (10’)(Tiếp)  d. Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh.  - (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài cho cả lớp đọc thầm (Làm tương tự với từng lời dưới tranh)  - (Đọc tiếp nối cá nhân / từng cặp) Từng HS, sau đó từng cặp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh (HS 1 đọc cả tên bài).  - GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy.  e. Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ)  - GV tổ chức cho các cặp, tổ thi đọc từng đoạn (mỗi cặp / tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - GV tổ chức cho các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - GV yêu cầu 1 HS đọc cả bài.  - GV yêu cầu cả lớp đọc đồng thanh cả bài  g. Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)  ? Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 13; đọc cả 7 chữ học trong tuần (cuối trang 28).  **3.3. Tập viết** (22’)(bảng con - BT 4)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc trên bảng lớp các chữ mẫu,chữ số  b. Tập viết các chữ, tiếng: **i, ia, bi, bia**  - GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:  + Chữ i: cao 2 li, gồm một nét hất, 1 nét móc ngược; dấu chấm (.) đặt trên đầu nét móc.  + Chữ **ia:** viết chữ **i** trước, chữ **a** sau, chú ý nét nối giữa **i** và **a.**  + Tiếng **bi:** viết chữ **b** (cao 5 li), chữ **i,** chú ý nét nối giữa **b** và **i.**  + Tiếng **bia:** viết chữ **b,** viết tiếp **ia.**  - GV yêu cầu HS viết bảng con: **i, ia** (2 lần). Sau đó viết: **bi, bia** (2 lần).  c. Tập viết các chữ số: **4, 5**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Số **4:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng ngang, nét 3 thẳng đứng.  + Số **5:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng đứng, nét 3 cong phải.  - GV yêu cầu HS viết trên bảng con: **4, 5** (2 lần).  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài Tập đọc *Bé Bi, bé Li.*  - Khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con. | - HS quan sát và nghe  - Cả lớp đọc thầm  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, cặp)  - Nhận xét  - HS thi đọc từng đoạn  - HS thi đọc cả bài  - 1HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc  - HS: Bé Li rất yêu anh Bi. Bi rất yêu em bé. / Anh em Bi rất thân nhau, yêu quý nhau).  - HS đọc  - HS đọc: **i, ia, bi, bia; 4, 5.**  - HS viết bảng con  - Nhận xét  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - Nhận xét |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………